

**Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2023
V/v tranh chấp: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Tuấn** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Bà **Đinh Thị Bích Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 620/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị K** – Sinh năm: 1968

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn H** – Sinh năm: 1966;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Bùi Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi tự nguyện kết hôn với ông Lê Văn H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, do Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01/10/1992.

Tuy nhiên, khoảng 03 năm trở lại đây, vợ chồng tôi đã xảy ra mâu thuẫn do ông Huấn thường xuyên chửi bới, xúc phạm tôi và gia đình của tôi. Tôi đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay, tôi thấy cuộc sống vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân của chúng tôi không còn và không đạt được. Nên tôi yêu cầu được ly hôn ông Lê Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 02 (Hai) con chung là Lê Thị Thu T, sinh năm 1992 và Lê Xuân H, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận xử lý nên không yêu cầu quý Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có bất cứ khoản nợ chung nào nên không yêu cầu quý Tòa giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Tôi và bà Bùi Thị K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, vào năm 1992. Quá trình chung sống chúng tôi có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình rất, không đáng kể, nên nay bà K yêu cầu ly hôn, thì tôi không đồng ý vì tôi còn tình cảm với bà K. Trường hợp bà K vẫn nhất quyết ly hôn thì sau khi Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà K, bà K phải đi ra chỗ khác để sinh sống, không được ở trong nhà đất hiện nay tôi đang quản lý, sử dụng.

Chúng tôi có 02 con chung là Lê Thị Thu T, sinh năm 1992 và Lê Xuân H, sinh năm 1998. Các con chung đều đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu gì đối với con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị K giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Bị đơn ông Lê Văn H giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, không đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Bùi Thị K được ly hôn ông Lê Văn H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

[1.1] Bà Bùi Thị K và ông Lê Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1992, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa,

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày đăng ký 01/10/1992. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Bùi Thị K khai nhận cách đây khoảng 03 năm, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do ông Lê Văn H luôn kiểm soát, đả đả mắng, xúc phạm danh dự của bà K cùng gia đình bà. Vì nghĩ đến các con nên bà K đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay, bà thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa. Ông H cũng thừa nhận đã nhiều lần chửi bới, xúc phạm đến bà K. Tuy nhiên, ông cho rằng những mâu thuẫn đó chỉ là nhỏ nhất trong đời sống vợ chồng và vẫn còn tình cảm với vợ, nên không đồng ý ly hôn với bà K.

[1.3] Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông bà hòa giải, đoàn tụ nhưng vẫn không đạt kết quả. Tại tòa, bà K xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn của vợ chồng bà đã gay gắt và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, bà K kiên quyết yêu cầu ly hôn.

[1.4] Qua lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông H không còn hạnh phúc là do ông H có hành vi vô cớ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà K; Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Thị K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà Bùi Thị K và ông Lê Văn H có 02 (Hai) con chung là Lê Thị Thu T, sinh năm: 1992 và Lê Xuân H, sinh năm: 1998. Các con chung đều đã trưởng thành và khỏe mạnh, nên các đương sự không yêu cầu gì đối với con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung:

Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về nợ chung:

Các đương sự đều khai không có bất cứ khoản nợ chung nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Bùi Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà K đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0011851 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Bùi Thị K đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Bùi Thị K được ly hôn ông Lê Văn H.

2. *Về con chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. *Về án phí*: Bà Bùi Thị K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà Khanh đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0011851 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Bùi Thị K đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND Tp. Nha Trang;
 - Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
 - UBND xã Vĩnh Phương, Tp. Nha Trang,
- tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 41, ngày: 01/10/1992);
- Lưu: Án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh